

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 272/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2021

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 914

Ngày 19 tháng 7 năm 2021

Ý kiến chỉ đạo:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 04 (bốn) phân bón lưu hành tại Việt Nam (Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Địa chỉ: Lô D, khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290 3819 000

Fax: 0290 3590 501

Mã số doanh nghiệp: 2001012298

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2021 đến ngày 07 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

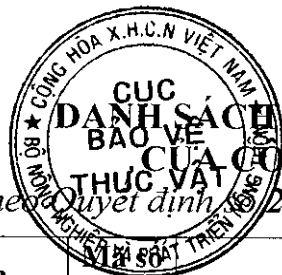
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: QLPB.

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Trung



DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 272/QĐ-BVTV-PB ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	phân bón(*)	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân urê	N46.Golden	25029	Đạm tổng số (N _{ts}): 46,2%; Biuret: 1%; Độ ẩm: 1%.	Bón rải ^(h)	Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác. Lượng bón và thời kỳ bón: 1. Lúa: 50 - 60 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau sạ, 18 - 22 ngày sau sạ, 38 - 42 ngày sau sạ. 2. Ngô: 80 - 100 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau khi trồng, 20 - 30 ngày sau khi trồng, 40 - 50 ngày sau khi trồng. 3. Mía: 120 - 150 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 15 - 20 ngày sau trồng, 2 - 3 tháng sau trồng, 4 - 5 tháng sau trồng. 4. Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 200 - 300 g/cây/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: bón 300 - 500 g/cây/lần, bón 4 - 6 lần/năm: sau thu hoạch, trước ra hoa, sau đậu trái, trái phát triển (bón 1 - 3 lần). 5. Cà phê, hồ tiêu: - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100 - 200 kg/ha/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: + Mùa khô: bón 120 - 170 kg/ha/lần, bón 1 - 2 lần + Mùa mưa: bón 150 - 180 kg/ha/lần, bón 3 - 4 lần/năm vào đầu, giữa cuối mùa mưa. 6. Chè: 70 - 110 kg/ha/lần, bón 1 tháng/lần. 7. Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200 - 300 kg/ha/năm, chia làm 2 - 3 lần bón/năm, bón vào đầu, giữa cuối mùa mưa.	36 tháng kể từ ngày sản xuất



					<p>8. Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón 80 - 120 kg/ha, bón 7 - 10 ngày sau trồng; - Bón thúc: 150 - 200 kg/ha/lần, bón 2 - 3 lần/vụ vào 20 - 25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1 - 2 lần. <p>9. Rau ăn lá ngắn ngày: 100 - 200 kg/ha/lần, bón 2 lần/vụ vào 7 - 10 ngày sau trồng và 20 - 30 ngày sau trồng.</p>	
2	Phân urê	N46.True	25030	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 46,1%; Biuret: 1%; Độ ẩm: 1%.</p>	<p>Bón rải^(h)</p> <p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác.</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lúa: 50 - 60 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau sạ, 18 - 22 ngày sau sạ, 38 - 42 ngày sau sạ. 2. Ngô: 80 - 100 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau khi trồng, 20 - 30 ngày sau khi trồng, 40 - 50 ngày sau khi trồng. 3. Mía: 120 - 150 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 15 - 20 ngày sau trồng, 2 - 3 tháng sau trồng, 4 - 5 tháng sau trồng. 4. Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 200 - 300 g/cây/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: bón 300 - 500 g/cây/lần, bón 4 - 6 lần/năm: sau thu hoạch, trước ra hoa, sau đậu trái, trái phát triển (bón 1 - 3 lần). 5. Cà phê, hồ tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100 - 200 kg/ha/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> + Mùa khô: bón 120 - 170 kg/ha/lần, bón 1 - 2 lần + Mùa mưa: bón 150 - 180 kg/ha/lần, bón 3 - 4 lần/năm vào đầu, giữa cuối mùa mưa. 6. Chè: 70 - 110 kg/ha/lần, bón 1 tháng/lần. 7. Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200 - 300 kg/ha/năm, chia làm 2 - 3 lần bón/năm, bón vào đầu, giữa cuối mùa mưa. 8. Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					<ul style="list-style-type: none"> - Bón 80 - 120 kg/ha, bón 7 - 10 ngày sau trồng; - Bón thúc: 150 - 200 kg/ha/lần, bón 2 - 3 lần/vụ vào 20 - 25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1 - 2 lần. 9. Rau ăn lá ngắn ngày: 100 - 200 kg/ha/lần, bón 2 lần/vụ vào 7 - 10 ngày sau trồng và 20 - 30 ngày sau trồng. 	
3	Phân urê	N46.Protect	25031	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 46%; Biuret: 1%; Độ ẩm: 1%.</p>	<p>Bón rải^(h)</p> <p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác.</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lúa: 50 - 60 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau sạ, 18 - 22 ngày sau sạ, 38 - 42 ngày sau sạ. 2. Ngô: 80 - 100 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau khi trồng, 20 - 30 ngày sau khi trồng, 40 - 50 ngày sau khi trồng. 3. Mía: 120 - 150 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 15 - 20 ngày sau trồng, 2 - 3 tháng sau trồng, 4 - 5 tháng sau trồng. 4. Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 200 - 300 g/cây/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: bón 300 - 500 g/cây/lần, bón 4 - 6 lần/năm: sau thu hoạch, trước ra hoa, sau đậu trái, trái phát triển (bón 1 - 3 lần). 5. Cà phê, hồ tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100 - 200 kg/ha/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> + Mùa khô: bón 120 - 170 kg/ha/lần, bón 1 - 2 lần + Mùa mưa: bón 150 - 180 kg/ha/lần, bón 3 - 4 lần/năm vào đầu, giữa cuối mùa mưa. 6. Chè: 70 - 110 kg/ha/lần, bón 1 tháng/lần. 7. Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200 - 300 kg/ha/năm, chia làm 2 - 3 lần bón/năm, bón vào đầu, giữa cuối mùa mưa. 8. Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): <ul style="list-style-type: none"> - Bón 80 - 120 kg/ha, bón 7 - 10 ngày sau trồng; 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						<p>- Bón thúc: 150 - 200 kg/ha/lần, bón 2 - 3 lần/vụ vào 20 - 25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1 - 2 lần.</p> <p>9. Rau ăn lá ngắn ngày: 100 - 200 kg/ha/lần, bón 2 lần/vụ vào 7 - 10 ngày sau trồng và 20 - 30 ngày sau trồng.</p>	
4	Phân urê	N46.Rich	25032	<p>Đạm tổng số (N_{ts}): 46,3%; Biuret: 1%; Độ ẩm: 1%.</p>	Bón rễ ^(h)	<p>Thích hợp mọi loại đất và mọi loại cây trồng và có thể bón kết hợp với các loại phân bón khác.</p> <p>Lượng bón và thời kỳ bón:</p> <p>1. Lúa: 50 - 60 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau sạ, 18 - 22 ngày sau sạ, 38 - 42 ngày sau sạ.</p> <p>2. Ngô: 80 - 100 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 7 - 10 ngày sau khi trồng, 20 - 30 ngày sau khi trồng, 40 - 50 ngày sau khi trồng.</p> <p>3. Mía: 120 - 150 kg/ha/lần, bón 3 lần/vụ: 15 - 20 ngày sau trồng, 2 - 3 tháng sau trồng, 4 - 5 tháng sau trồng.</p> <p>4. Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 200 - 300 g/cây/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: bón 300 - 500 g/cây/lần, bón 4 - 6 lần/năm: sau thu hoạch, trước ra hoa, sau đậu trái, trái phát triển (bón 1 - 3 lần). <p>5. Cà phê, hồ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn kiến thiết cơ bản: bón 100 - 200 kg/ha/lần, bón 4 lần/năm, bón 3 tháng/lần; - Giai đoạn kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> + Mùa khô: bón 120 - 170 kg/ha/lần, bón 1 - 2 lần + Mùa mưa: bón 150 - 180 kg/ha/lần, bón 3 - 4 lần/năm vào đầu, giữa cuối mùa mưa. <p>6. Chè: 70 - 110 kg/ha/lần, bón 1 tháng/lần.</p> <p>7. Cao su (giai đoạn kinh doanh): 200 - 300 kg/ha/năm, chia làm 2 - 3 lần bón/năm, bón vào đầu, giữa cuối mùa mưa.</p> <p>8. Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bón 80 - 120 kg/ha, bón 7 - 10 ngày sau trồng; - Bón thúc: 150 - 200 kg/ha/lần, bón 2 - 3 lần/vụ vào 20 - 	36 tháng kể từ ngày sản xuất

					25 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1 - 2 lần. 9. Rau ăn lá ngắt ngày: 100 - 200 kg/ha/lần, bón 2 lần/vụ vào 7 - 10 ngày sau trồng và 20 - 30 ngày sau trồng.	
--	--	--	--	--	---	--

Ghi chú: (*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;
 (**) Viết tắt dạng phân bón: ^(h) - dạng hạt.

[Handwritten signature]

